

GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

**TƯ TƯỞNG PHÁP LUẬT HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC TĂNG CƯỜNG
PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

NGUYỄN VĂN HIỀN (*)

Trong bài viết này, tác giả đã trình bày và phân tích những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật: vai trò tối thượng của pháp luật, tính chất dân chủ triệt để và nhân dân rộng rãi của pháp luật được xây dựng và thực thi với sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, yêu cầu thực hiện nghiêm minh và có hiệu lực nhằm đảm bảo vai trò của pháp luật... Đồng thời, tác giả cũng trình bày ý nghĩa của việc phát huy tư tưởng pháp luật Hồ Chí Minh trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

1. Sự hình thành tư tưởng pháp luật Hồ Chí Minh

Trước khi đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh cùng đồng bào đã phải chứng thực và kinh qua cuộc sống phản dân chủ, phi luật pháp của nhà nước thực dân phong kiến gây nên. Theo Người, cái gọi là “công lý” cai trị bằng sắc luật do các viên toàn quyền tùy tiện ban hành rất “vô chính phủ và vô đạo đức”, “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”(1) làm cho xứ thuộc địa trở thành cùng khổ, dốt nát và nghiện ngập phải được thay thế bằng “chế độ đạo luật”. Chính vì vậy, năm 1919, thay mặt nhóm người Việt Nam yêu nước ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gồm có tám điều đòi thực dân Pháp những quyền tự do, dân chủ và bình đẳng tối thiểu cho nhân dân Việt Nam. Nội dung bản yêu sách chứa đựng những tư tưởng pháp lý dân chủ, tiến bộ. Ở đó, vai trò tối thượng, nghiêm minh, chuẩn mực của pháp luật trong

cuộc sống được đề cập và yêu cầu phải thay thế cho chế độ cai trị chỉ bằng sắc lệnh mang tính độc tài, tùy tiện. Ở đó, quyền con người được bảo vệ một cách bình đẳng theo phương châm “mọi người đều bình đẳng trước pháp luật”, dù đó là người bản xứ An Nam hay người Pháp, người châu Âu. Dù chỉ mới dừng lại ở mức đòi công lý mà chưa đòi độc lập, tự chủ, tự quyết nhưng bản yêu sách vẫn không được Hội nghị Vécxây đếm xỉa đến. Tuy vậy, nó đã để lại một bài học kinh nghiệm sâu sắc cho Người thấy rằng các dân tộc bị áp bức không thể đợi chờ vào những lời hứa suông, những chiêu bài bịp bợm của chủ nghĩa đế quốc.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 2/9/1945 Hồ Chí Minh trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tuyên ngôn là một văn kiện thể

(*) Thạc sĩ, Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai.
(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, xuất bản lần thứ 2, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.555.

hiện đầy đủ nội dung chính trị và pháp lý quốc tế mang tầm vóc thời đại, nêu bật những lý tưởng cao cả “mà nhân dân các dân tộc có quyền và khát khao với quyền tự quyết, làm chủ và tự quyết định vận mệnh của mình”. Ngay hôm sau, ngày 3/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh nêu lên một trong sáu nhiệm vụ quan trọng là phải tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, lập ra một Hiến pháp dân chủ nhằm ghi nhận địa vị pháp lý của nhân dân, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ Nhà nước cách mạng và thể hiện vị trí làm chủ của nhân dân trong chế độ mới. Sau đó, ngày 20/9/1945, thay mặt Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh ký *Sắc lệnh số 34/SL* quyết định thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp do Người đứng đầu. Sau 14 tháng làm việc khẩn trương trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, phức tạp, đến tháng 11/1946, bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã được thông qua. Hồ Chí Minh tự hào khẳng định đây là “Hiến pháp đầu tiên trong cõi Á Đông”(2). Đó là bản Hiến pháp đặt nền móng pháp lý cơ bản cho một chế độ dân chủ, khẳng định tính hợp pháp, hợp hiến của nhà nước, tính pháp lý của các quyền dân tộc, quyền công dân cơ bản. Trong thời gian 24 năm sau đó, trên cương vị Chủ tịch nước, tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật được hoàn thiện, phát triển và bộc lộ qua nhiều văn bản pháp luật do chính Người soạn thảo và ký ban hành.

2. Những nội dung cơ bản của tư tưởng pháp luật Hồ Chí Minh

2.1. “Trăm điều phải có thần linh

pháp quyền”

Pháp luật không chỉ là thước đo các mối quan hệ xã hội, tạo dựng các mối quan hệ xã hội, mà còn có vai trò đặc biệt quan trọng đối với nhà nước. Pháp luật là phương tiện ghi nhận về mặt pháp lý trách nhiệm của nhà nước đối với xã hội và công dân, là phương tiện quản lý hữu hiệu đối với mọi mặt đời sống xã hội cũng như để nhà nước tự hoàn thiện chính bản thân mình. Nói cách khác, để thực hiện được sự quản lý, điều hành xã hội, nhà nước phải dựa vào pháp luật và thông qua pháp luật. Thực hiện pháp luật – tức pháp chế được tăng cường sẽ tạo nên trật tự xã hội ổn định, phát huy được hiệu lực pháp lý của nhà nước, làm cho bộ máy nhà nước vận hành đúng quỹ đạo.

Trong giai đoạn chờ đợi xây dựng một bản “Hiến pháp dân chủ”, đất nước độc lập một ngày không thể không có pháp luật; do vậy, ngày 10/10/1945, Hồ Chí Minh đã ký ban hành *Sắc lệnh 47/SL* quy định về việc tạm thời sử dụng luật cũ miễn không phương hại đến quyền độc lập của đất nước và những nguyên tắc của chính thể dân chủ cộng hoà. Đây là một cách làm linh hoạt sáng tạo và rất thiết thực. Theo nguyên tắc “chế độ nào có pháp luật ấy”(3), nhưng trong bối cảnh vừa giành được chính quyền, chưa xây dựng hệ thống pháp lý hoàn chỉnh nên phải mạnh dạn duy trì một phần pháp luật cũ, miễn không làm tổn hại cho đất nước. Hơn nữa, trong tư duy của Người,

(2) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.4. *Sđđ.*, tr.440.

(3) Hội luật gia Tp. Hồ Chí Minh. *Hồ Chủ tịch và pháp chế*. Tp. Hồ Chí Minh, 1985, tr.185.

pháp luật của các chế độ xã hội khác nhau, nhưng chúng ta có thể kế thừa, phát triển những giá trị nhân bản chung của văn hoá pháp lý. Kế thừa là quy luật của sự phát triển.

Khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và đứng đầu Nhà nước đó trong gần 1/4 thế kỷ, Hồ Chí Minh đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam. Ngoài việc trực tiếp làm Trưởng ban soạn thảo, ký ban hành hai bản Hiến pháp, Hồ Chí Minh còn tham gia chỉ đạo soạn thảo, ký quyết định công bố 16 đạo luật, hơn 1300 sắc lệnh và văn bản dưới luật. Điều đó cho thấy, Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vị trí, tầm quan trọng của “thần linh pháp quyền”. Theo Người, mọi hành vi, hoạt động của Nhà nước phải được chi phối, chỉ đạo bởi pháp luật; môi trường pháp chế phải bao trùm mọi mặt, mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Hơn nữa, càng phải cần đến pháp lý trong bối cảnh xã hội ở thời kỳ quá độ vốn còn nhiều cái ác, tiêu cực và phức tạp. Chính vì vậy, tại Hội nghị tư pháp toàn quốc tháng 3/1957, Hồ Chí Minh nói: “Trong giai đoạn hiện nay của cách mạng thì phải thực hiện chế độ pháp trị, và “nhiệm vụ của Tư pháp (hiểu theo nghĩa rộng là pháp lý) là thực hiện chế độ pháp trị”(4).

2.2. Pháp luật xã hội chủ nghĩa mang tính dân chủ triệt để và tính nhân dân rộng rãi

Cũng giống như nhà nước, pháp luật là sản phẩm ra đời, tồn tại và phát triển trong xã hội có giai cấp, nên nó luôn mang tính giai cấp sâu sắc. Khi nghiên cứu về pháp luật tư sản, C.Mác và Ph.Ăngghen đi đến kết luận: “Pháp

luật của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật, cái ý chí mà nội dung là do các điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định”(5). Hồ Chí Minh thì diễn đạt cụ thể: “Luật pháp là vũ khí của giai cấp thống trị, dùng để trừng trị giai cấp chống lại mình... Luật pháp trước hết là để trừng trị, áp bức. Phong kiến đặt ra luật pháp để trị nông dân. Tư bản đặt ra luật pháp để trị công nhân và nhân dân lao động... Luật pháp của giai cấp bóc lột đặt ra để áp bức các giai cấp bị bóc lột”(6). Ở nước ta, dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến, “pháp luật cũ là ý chí của thực dân Pháp, không phải là ý chí của toàn thể nhân dân ta” nên đương nhiên “luật pháp cũ đặt ra là để giữ gìn trật tự xã hội thật, nhưng trật tự ấy chỉ có lợi cho thực dân, phong kiến, không có lợi cho toàn thể nhân dân”(7). Với pháp luật cũ, Người kết luận: pháp luật là vũ khí của giai cấp thống trị để trừng trị giai cấp chống lại mình; mục đích đầu tiên của pháp luật bóc lột là trừng trị và áp bức giai cấp; bản chất của pháp luật bóc lột là phản dân chủ, phản tiến bộ(8). Nói cách khác, ở những nhà nước bóc lột, quyền được pháp luật bảo hộ đối với nhân dân lao động là vấn đề xa xỉ, chỉ là niềm mơ ước xa vời. Ở đó, “công lý” mà giai cấp

(4) Dẫn theo: Vũ Đình Hoà. *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*. Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2001, tr.488.

(5) C.Mác - Ph.Ăngghen. *Tuyển tập*, gồm 6 tập, t.1. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.562-563.

(6) Hồ Chí Minh. *Nhà nước và pháp luật*. Nxb Pháp lý, Hà Nội, 1985, tr.185.

(7) Hồ Chí Minh. *Nhà nước và pháp luật*. Sđd., tr.185.

(8) Xem: Hồ Chí Minh. *Nhà nước và pháp luật*. Sđd., tr.185-186.

thống trị trương lên chỉ là chiêu bài giả hiệu, mị dân; “công bằng, bình đẳng trước pháp luật” là khái niệm mơ hồ, không định lượng được; bởi quần chúng lao khổ phải gánh vác nghĩa vụ và trách nhiệm nặng nề, trong khi quyền lợi được hưởng thì rất hạn chế.

Pháp luật luôn là vũ khí của giai cấp cầm quyền, nhưng pháp luật mà Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng là pháp luật kiểu mới, khác về chất so với pháp luật cũ, đó là pháp luật thật sự dân chủ, tiến bộ, bảo vệ lợi ích của quần đại quần chúng nhân dân lao động. Người nói: “Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động”(9) và “pháp luật của chúng ta hiện nay bảo vệ quyền lợi cho hàng triệu người lao động”(10). Những quyền cơ bản đó được thể hiện ngay trong Điều 1, *Hiến pháp 1946*: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. Một sự khẳng định không ai chối cãi là thân phận nô lệ của người dân đã được rũ bỏ và họ trở thành chủ thể của quyền lực nhà nước, chủ xã hội. Đồng thời, đó cũng là lúc ý chí, nguyện vọng của họ – giai cấp công nhân và nhân dân lao động chiếm số đông trong xã hội được nâng lên thành luật; quyền lợi của hàng triệu người lao động chân chính được pháp luật bảo vệ. Nói cách khác, pháp luật kiểu mới – pháp luật xã hội chủ nghĩa vẫn mang tính giai cấp, nhưng nó thống nhất với tính dân chủ triệt để và tính nhân dân rộng rãi.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tính dân chủ của pháp luật xã hội chủ nghĩa phải được đảm bảo và thể hiện ngay trong quá trình soạn thảo pháp luật. Hai bản Hiến pháp 1946 và 1959 ra đời dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh đã thực sự là những cuộc vận động dân chủ sâu sắc. Hồ Chí Minh nói: “Bản Hiến pháp chúng ta sẽ thảo ra chẳng những phải tiêu biểu được các nguyện vọng của nhân dân miền Bắc, mà còn là mục tiêu phấn đấu cho đồng bào miền Nam... Sau khi thảo xong, chúng ta cần phải trưng cầu ý kiến của nhân dân cả nước một cách thật rộng rãi. Có như thế bản Hiến pháp của chúng ta mới thực sự là một Hiến pháp của nhân dân, của chế độ dân chủ”(11). Có thể thấy, ở Hồ Chí Minh, cơ sở để định ra pháp luật là phải dựa vào lực lượng nhân dân, ý chí của đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động quyết định nội dung của pháp luật. Pháp luật dựa vào dân không những là biểu hiện của tính dân chủ, tính nhân dân, mà thông qua đó trí tuệ của toàn dân tộc được kết tinh và phát huy làm cho pháp luật đó có tính khoa học hơn, bám sát thực tế hơn, tránh được những sai sót chủ quan và lạc hậu, tụt hậu. Mặt khác, ý chí của nhân dân được thể hiện trong luật thì ý thức tôn trọng pháp luật cũng được nâng cao, trật tự xã hội bình ổn hơn.

2.3. *Pháp luật phải phát huy hiệu lực và sự nghiêm minh*

Vai trò của pháp luật chỉ phát huy

(9) Hồ Chí Minh. *Nhà nước và pháp luật*. Sđd., tr.187.

(10) Hồ Chí Minh. *Nhà nước và pháp luật*. Sđd., tr.185.

(11) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.8. Sđd., tr.322-323.

manh mẽ khi pháp luật được tổ chức thực hiện một cách nghiêm chỉnh. Nói cách khác, pháp luật không thể tự mình đi vào cuộc sống mà phải cần có sự tổ chức thực hiện một cách nghiêm minh. Quản lý nhà nước chỉ có hiệu quả khi hai quá trình xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật được tiến hành đồng bộ, có quan hệ chặt chẽ với nhau. Thực tế chỉ ra rằng, nội dung của pháp luật được xây dựng dù có tiến bộ đến đâu nhưng cũng sẽ mất hết ý nghĩa nếu như nó không được tổ chức thực hiện tốt. Chính vì vậy, với Hồ Chí Minh, có một hệ thống pháp luật đồng bộ, hoàn chỉnh, dân chủ và tiến bộ được ban hành là cần thiết, nhưng quan trọng hơn là pháp luật ấy phải phát huy hiệu lực thực tế, phải được xã hội thực hiện một cách nghiêm minh. Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác thực hiện pháp luật, bởi Người rất thấu hiểu những hậu quả của sự tùy tiện, bẻ cong pháp luật do những người nắm trong tay quyền hành pháp nhưng lại yếu kém về năng lực và đạo đức, hay những “đầy tớ” của dân biến quyền lực nhà nước thành quyền lực riêng của lãnh đạo để trở thành những “ông quan cách mạng”...

Một trong những mục tiêu của sự nghiệp cách mạng mà chúng ta đang tiến hành là đem lại sự bình đẳng xã hội, trong đó trước hết và cơ bản là bình đẳng trước pháp luật. Vì vậy, Hồ Chí Minh luôn đề cao nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ, cả khi vi phạm pháp luật đều phải xử lý một cách vô tư, khách quan và công bằng. Nói rộng hơn, cần tránh sự lẫn lộn giữa công và

tội, việc thưởng phạt phải nghiêm minh, công bằng, “không vì công mà quên lỗi, vì lỗi mà quên công”, hoặc “thường có khi quá rộng mà phạt thì không nghiêm”. Quán triệt nguyên tắc cơ bản của pháp chế là yêu cầu bắt buộc đối với mọi người, không có ngoại lệ, Hồ Chí Minh nói: “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì”(12). Dù rất đau lòng nhưng để giữ nghiêm phép nước, Hồ Chí Minh đã phải ký lệnh chuẩn y án tử hình đại tá Trần Dụ Châu – vốn là Cục trưởng Cục Quân nhu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp phạm tội tha hoá, biến chất, xâm phạm tài sản công. Sự vi phạm pháp luật phải bị trừng trị thích đáng với tinh thần không để “một con sâu làm rầu nồi canh”; trị một người không những để cứu muôn người mà còn bảo vệ uy tín, thanh danh của Đảng và Nhà nước, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp cách mạng.

Hiệu lực và sự nghiêm minh của pháp luật phụ thuộc rất lớn vào cán bộ, nhất là cán bộ làm công tác tư pháp – những người “cầm cân nảy mực”, đại diện cho “cán cân công lý”. Hồ Chí Minh nghiêm khắc đòi hỏi ở họ trước hết phải “gương mẫu chấp hành pháp luật và kỷ luật của các đoàn thể cách mạng của quần chúng mà mình tham gia”(13), sau đó, khi phụ trách thi hành pháp luật thì phải công tâm, “phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công vô tư” cho nhân dân noi theo”(14).

(12) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Sđđ., tr.641.

(13) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.11. Sđđ., tr.202.

(14) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Sđđ., tr.382.

Ngược lại, với cán bộ vi phạm pháp luật, lợi dụng quyền hạn, chức vụ để sách nhiễu, bẻ cong pháp luật nhằm nhận hối lộ, tư lợi làm cho dân bất bình, oan ức, Người kiên quyết trị cho đến nơi đến chốn. Tại kỳ họp lần thứ hai Quốc hội khoá I, ngày 31/10/1946, trong bài trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, Hồ Chí Minh đã tuyên bố: “Chính phủ hiện thời đã cố gắng liêm khiết lắm. Nhưng trong Chính phủ từ Hồ Chí Minh cho đến những người làm việc ở các ủy ban làng đông lắm và phức tạp lắm. Dù sao Chính phủ đã hết sức làm gương và nếu làm gương không xong, thì sẽ dùng pháp luật mà trị. Những kẻ ăn hối lộ đã trị, đương trị và sẽ trị cho kỳ hết”(15). Với đồng bào, Người nhắc nhở rằng, “nếu cán bộ địa phương có điều gì sai lầm, nếu đồng bào có điều gì oan ức thì đồng bào phái đại biểu đến trình bày với tôi và Chính phủ; tôi đảm bảo rằng tôi và Chính phủ sẽ trừng trị những cán bộ có lỗi và làm cho đồng bào khỏi oan ức”(16).

Trên cương vị người đứng đầu Nhà nước cũng như trong cuộc sống thường nhật, Hồ Chí Minh luôn là tấm gương mẫu mực về việc chấp hành pháp luật, nêu cao nguyên tắc “mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”. Trước cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội nước ta năm 1946, rất nhiều cán bộ và nhân dân bày tỏ nguyện vọng suy tôn Người làm Chủ tịch vĩnh viễn nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, miễn ra ứng cử, Hồ Chí Minh đã trả lời: “Tôi là một công dân của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, nên không thể vượt qua thể lệ Tổng tuyển cử đã định”(17). Khi với tư cách một công dân, Hồ Chí Minh lại

nêu gương về biết dựa vào pháp luật để hưởng quyền tự do dân chủ của mình. Một tình huống xảy ra khi đi bầu cử, anh em bảo vệ vẫn đi kèm, Người liền nói: “Các chú phải tránh ra xa, để Bác làm tròn nhiệm vụ của một cử tri. Bầu cử phải đảm bảo bí mật”. Đó là một vài chi tiết nhỏ trong rất nhiều câu chuyện cảm động về tấm gương sống và làm việc theo pháp luật của Hồ Chí Minh. Đó chính là nếp sống có văn hoá – văn hoá pháp luật. Ở Hồ Chí Minh toát lên một trình độ văn hoá pháp lý cao, bởi Người thể hiện sự hiểu biết về pháp luật, xây dựng pháp luật, đấu tranh thực hiện pháp luật, tôn trọng pháp luật, sống và làm theo pháp luật... và đó lại là một pháp luật thật sự dân chủ, tiến bộ. Chính vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật cũng chính là tư tưởng văn hoá pháp luật. Một nhà nghiên cứu nhận xét: “Tư tưởng văn hoá pháp luật của Hồ Chí Minh là một biểu hiện kiệt xuất của mọi văn hoá dân tộc”(18).

3. Tư tưởng pháp luật Hồ Chí Minh với việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

Tư tưởng pháp luật Hồ Chí Minh có ý nghĩa lớn về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Vì vậy, kế thừa và vận dụng tư tưởng đó của Người vào sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là một nhu cầu tất yếu và lâu dài.

Thứ nhất, xây dựng tinh thần thượng

(15) Hồ Chí Minh. *Nhà nước và pháp luật*. Sdd., tr.158.

(16) Hồ Chí Minh. *Nhà nước và pháp luật*. Sdd., tr.145.

(17) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.4. Sdd., tr.116.

(18) Đỗ Huy. *Tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.246.

tôn pháp luật, “sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật” cho mọi công dân trong xã hội. Đảm bảo cho pháp luật giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh các quan hệ thuộc các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Pháp luật trở thành chuẩn mực cao nhất xác định hành vi của mỗi cá nhân. Phải làm cho pháp luật thấm sâu vào cuộc sống, trở thành văn hoá ứng xử của mỗi công dân trong xã hội. Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do quần chúng nhân dân xây dựng nên, thể hiện ý chí và nguyện vọng của họ; do đó, tôn trọng pháp luật cũng chính là tôn trọng nhân dân và phát huy dân chủ.

Thứ hai, xuất phát từ quan điểm “chế độ nào có pháp luật ấy”, nên pháp luật nước ta thường xuyên được xây dựng, sửa đổi, phát triển và hoàn thiện. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã nhấn mạnh: “hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền”(19). Theo đó, hàng loạt luật mới được ban hành và có hiệu lực, như Luật Bưu chính, Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Khoáng sản, Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... Việt Nam đã tham gia một số chương trình và công ước quốc tế về chống tham nhũng. Trong bối cảnh hội nhập và trước tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, việc sửa đổi và bổ sung, hoàn thiện pháp luật là công việc cấp

thiết, thường xuyên. Có như vậy, pháp luật mới phát huy vai trò là công cụ điều tiết, quản lý xã hội hữu hiệu.

Thứ ba, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc “mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục nhấn mạnh: “Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân... Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”(20). Có thể nói, vai trò của pháp luật trong điều kiện phát triển bình thường của xã hội vốn đã quan trọng, nó lại càng trở nên quan trọng hơn nhiều trong một xã hội đang trải qua những biến đổi sâu sắc và toàn diện như nước ta hiện nay. Kinh nghiệm lịch sử đã chỉ ra rằng, “một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại của các cuộc cải cách, đó là người ta đã đặt các cuộc cải cách xã hội tách biệt với pháp luật. Một khi pháp luật bị đặt ra ngoài các quá trình biến đổi xã hội hoặc bị hạ thấp hay phớt lờ thì tất yếu các cải cách ấy hoặc là mang tính nửa vời, thậm chí chết yểu, hoặc là gây nên những đảo lộn nghiêm trọng đối với đời sống xã hội, xô đẩy xã hội vào những nguy cơ khủng hoảng”(21).

(19) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.126.

(20) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.85.

(21) Viện Nhà nước và Pháp luật. Xã hội và pháp luật. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.33.

Thực tế đời sống pháp luật ở nước ta hiện nay là một bức tranh đa sắc màu, có gam màu tối lẫn vào sáng, có cái hợp pháp đan xen cái bất hợp pháp, chiều hướng tích cực tồn tại bên cạnh hạn chế. Pháp luật, từ khi ra đời cho đến nay, luôn cho thấy là công cụ sắc bén trong việc phản ánh, cụ thể hoá kịp thời những đường lối, chủ trương phát triển của Đảng, tạo dựng được môi trường và hành lang pháp lý cần thiết và an toàn cho mọi hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội... Trong xã hội, thói quen xem thường pháp luật vốn dĩ là tàn dư của xã hội cũ đang dần được loại bỏ, ý thức sống và làm theo pháp luật được hình thành và phát triển. Người dân đã biết dùng pháp luật và dựa vào pháp luật để tự bảo vệ mình. Nguyên tắc “mọi người đều bình đẳng trước pháp luật” được duy trì, không ai có quyền đứng trên hoặc ngoài vòng pháp luật và pháp luật đủ sức trừng trị những kẻ phạm pháp dù ở cương vị nào... Tuy nhiên, trật tự an toàn xã hội, văn hóa pháp luật vẫn đang tồn tại nhiều hạn chế, khuyết điểm được Đảng thẳng thắn nhìn nhận: “Công tác bảo vệ an ninh trong một số lĩnh vực còn có những thiếu sót; xử lý tình hình phức tạp nảy sinh ở cơ sở có lúc, có nơi còn bị động, tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở một số địa bàn còn diễn biến phức tạp”(22). Đặc biệt, “công tác điều tra, giam giữ, truy tố, xét xử trong một số trường hợp chưa chính xác; án tồn đọng, án bị hủy, bị cải sửa còn nhiều. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu đề ra. Quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn

còn nghiêm trọng, với những biểu hiện tinh vi, phức tạp, chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, gây bức xúc xã hội”(23). Ngoài xã hội, tệ nạn và tội phạm phát triển tràn lan mạnh sang những đối tượng thanh niên trẻ, trí thức và cả giới nữ. Đó là một Nguyễn Thị Thuận, vốn là một giáo viên tiểu học ở Hà Nội đã dùng xăng thiêu chết cả nhà anh chồng. Đó là một sinh viên trí thức Nguyễn Đức Nghĩa sau khi sát hại người yêu cũ rồi phi tang bằng cách cắt bỏ đầu và mười ngón tay của nạn nhân. Và còn không hiếm kẻ phạm pháp sẵn sàng tước đi sinh mạng của người lương thiện, thậm chí của người thân chỉ vì vài trăm nghìn đồng; giết người chỉ vì những va quệt nhỏ trong giao thông, vì những va chạm nhỏ nhặt. Nghiêm trọng hơn, ngoài một bộ phận người dân có ý thức chấp hành pháp luật kém, trong xã hội còn nảy sinh tình trạng không ít người thờ ơ với hành vi vi phạm pháp luật, “nhờn luật”... Có thể nói, pháp chế xã hội chủ nghĩa chưa được tăng cường đủ mạnh và trật tự pháp luật cũng chưa đảm bảo theo yêu cầu của sự phát triển bền vững. Chính vì vậy, mỗi công dân chúng ta cần phải tích cực học tập tư tưởng pháp luật của Hồ Chí Minh, kiên quyết đấu tranh chống và phòng ngừa những hành vi vi phạm pháp luật; đồng thời, ra sức xây dựng xã hội mới, trong đó văn hóa pháp luật được đề cao. □

(22) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Sđd., tr.170.

(23) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Sđd., tr.172.